

Số: /GPMT-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-SNNMT ngày 26/01/2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thành lập Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường Dự án Nhà ở xã hội Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần đầu tư Hacom Lào Cai tại Văn bản số 06/2026/CV-HCLC ngày 15/01/2026 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Nhà ở xã hội Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai; Văn bản số 11/CV-HCLC ngày 05/3/2026 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường Nhà ở xã hội Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 152/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần đầu tư Hacom Lào Cai, địa chỉ tại Thôn Sơn Mãn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà ở xã hội Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà ở xã hội Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai.
- 1.3. Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư.
- 1.4. Mã số thuế: 5300821493
- 1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng nhà ở xã hội.
- 1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:
 - Tổng diện tích sử dụng đất: Diện tích đất được giao là 22.077,4 m² theo Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Yên Bái.
 - Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm B.
 - Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.
 - Quy mô: Xây dựng 05 tòa nhà và các công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần đầu tư Hacom Lào Cai có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật

khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân phường Yên Bái và các sở, ngành có liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình triển khai nếu dự án có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, chủ đầu tư phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân phường Yên Bái tổ chức kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm; việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án Nhà ở xã hội Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Khoa học và công nghệ; Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai; Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư Hacom Lào Cai và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Các Sở: Công Thương; Xây dựng; KH&CN;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (01 bản);
- Ủy ban nhân dân phường Yên Bái;
- Công ty Cổ phần đầu tư Hacom Lào Cai;
- CVP, Phó CVP UBND tỉnh (đc Khanh);
- Công Thông tin điện tử của tỉnh (để công khai);
- Lưu: VT, TNMT (Oanh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 1:

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Trong quá trình thi công xây dựng dự án

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh từ 02 nhà vệ sinh tại công trường thi công dự án.

- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình rửa xe vận chuyển vật liệu xây dựng, rửa máy móc, thiết bị thi công.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải số 1 (tương ứng với nguồn số 1): Nước thải sinh hoạt phát sinh tại 02 nhà vệ sinh lưu động được lưu giữ trong bồn chứa và định kỳ thuê đơn vị chức năng đem đi xử lý (không xả ra ngoài môi trường).

- Dòng nước thải số 2 (tương ứng với nguồn số 2): Nước thải sau khi lắng tại 02 hố lắng (kích thước hố lắng: dài 1,0m x rộng 1,0m x sâu 1,2m) được tái sử dụng để xịt rửa xe hoặc tưới ẩm, giảm bụi các tuyến đường trong khu vực dự án, không xả ra ngoài môi trường.

2. Trong quá trình vận hành dự án

2.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân tòa nhà A1;

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân tòa nhà A2;

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân tòa nhà B1;

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân tòa nhà B2;

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân tòa nhà B3;

2.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải tương ứng nguồn số 01 đến nguồn số 05.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hố ga thoát nước trên vỉa hè đường nối cầu Bách Lãm với cầu Tuần Quán, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai.

- Vị trí xả nước thải: Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104^o45 phút, múi chiều 3 độ): X = 2401553,94; Y = 514548,16.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 420 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy

- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Thông số/Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	mg/l	5-9	Không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤35	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤60	
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	≤90	
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤0,5	
6	Amoni (N-NH ₄), tính theo N	mg/l	≤8,0	
7	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤30	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤15	
9	Chất hoạt động bề mặt anino	mg/l	≤5,0	
10	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤6,0	
11	Tổng Coliform	MPN hoặc CPU /100ml	≤5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1.1. Trong giai đoạn thi công dự án

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước mưa, nước mặt khu vực dự án: Bố trí hệ thống rãnh đào bằng đất thu gom, thoát nước mặt chảy tràn xung quanh khu vực dự án (kích thước rộng 0,5m x sâu 0,5m), tổng chiều dài khoảng 500 m. Trên hệ thống rãnh bố trí các hố lắng bằng đất (kích thước dài 0,8m x rộng 0,8m x sâu 0,8m) với khoảng cách 30-40m/hố lắng để lắng cặn trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước chung khu vực.

- Nước thải rửa xe, máy móc, thiết bị thi công: Bố trí hệ thống rãnh thu gom nước thải sau đó dẫn về 02 hố lắng bằng đất có lót bạt chống thấm (kích thước hố lắng dài 1,0m x rộng 1,0m x sâu 1,2m). Nước thải sau lắng được tái sử dụng để xịt rửa xe hoặc tưới ẩm, giảm bụi các tuyến đường trong khu vực dự án, không xả ra ngoài môi trường.

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh lưu động.

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động 2 buồng (*kích thước dài 2,05m x rộng 1,45m x cao 2,85m*) đặt tại khu vực dự án.

Quy trình xử lý: Nước thải đầu vào → Hàm tự hoại → Định kỳ thuê đơn vị chức năng bơm hút, vận chuyển đem đi xử lý, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải từ quá trình rửa xe, máy móc, thiết bị thi công: Bố trí 02 hố lắng bằng đất có lót bạt chống thấm (*kích thước hố lắng dài 1,0m x rộng 1,0m x sâu 1,2m*) và các gói thấm dầu để thu vớt dầu. Gói thấm dầu được định kỳ thay thế và thu gom về khu lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời của dự án.

Quy trình xử lý: Nước thải thi công → Rãnh thoát nước → 02 hố lắng (*có gói thấm dầu*) → Tuần hoàn để xịt rửa xe hoặc tưới ẩm, giảm bụi các tuyến đường.

1.2. Trong giai đoạn vận hành dự án

1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải

a) Nước mưa chảy tràn

- Nước mưa trên mái của các tòa nhà (A1, A2, B1, B2, B3) được thu vào các cầu chắn rác DN100 kết hợp thoát sàn loggia thu nước từ các tầng theo đường ống PVC D60 vào các trục đứng đường ống PVC D110 từ tầng tum xuống tầng 01 với chiều dài mỗi trục là 39m (*trong đó tòa A1 có 34 trục; tòa A2 có 25 trục; tòa B1 có 24 trục; tòa B2 có 21 trục; tòa B3 có 24 trục*), nước mưa sau đó chảy vào hệ thống thoát nước mưa bề mặt ngoài nhà qua các hố ga.

+ Hệ thống thoát nước mưa bề mặt tòa nhà A1, tòa nhà B1, một phần tòa nhà B2 và một phần tòa nhà B3: Được thu gom bằng hệ thống cống D400 dài 88,5m và hệ thống cống D600 dài 228,5m. Trên hệ thống cống bố trí 12 hố ga thu nước mưa bằng BTCT (*kích thước dài 0,8m x rộng 0,8m x sâu 0,8m*). Nước mưa sau đó chảy ra hố ga thoát nước mưa trên vỉa hè đường nối cầu Bách Lãm với cầu Tuần Quán, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai và vỉa hè đường nội bộ dự án qua hệ thống cống D600, chiều dài 7m.

+ Hệ thống thoát nước mưa bề mặt tòa nhà A2, một phần tòa nhà B2 và một phần tòa nhà B3: Được thu gom bằng hệ thống cống D400 dài 173,4m và hệ thống cống D600 dài 82,9m. Trên hệ thống cống bố trí 12 ga thu nước mưa bằng BTCT (*kích thước dài 0,8m x rộng 0,8m x sâu 0,8m*). Nước mưa sau đó chảy ra hố ga thoát nước mưa trên vỉa hè đường nối cầu Bách Lãm với cầu Tuần Quán, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai và vỉa hè đường nội bộ dự án qua hệ thống cống D600, chiều dài 7m.

b) Nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 1:

+ Nước thải xám (*nước thải bếp*): Nước thải tại các căn hộ được thu gom bằng đường ống PVC D60 vào các trục đứng đường ống PVC D90, D110 từ tầng 11 xuống tầng 2 với chiều dài mỗi trục là 31,85m (*gồm 01 trục đường ống PVC D90 và 08 trục đường ống PVC D110*), sau đó theo đường ống PVC D140 về bể tách mỡ nhà A1+B2 dung tích 22m³ (*bể tách mỡ số 1*). Nước thải sau xử lý sơ bộ

tại bể tách mỡ theo đường ống PVC D160 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT11).

+ Nước thải xám (*nước thoát sàn, rửa tay*): Nước thải tại các căn hộ được thu gom bằng đường ống PVC D60 vào các trục đứng đường ống PVC D90 từ tầng 11 xuống tầng 1 với chiều dài mỗi trục là 35,75m (*gồm 8 trục*). Nước thải sau đó theo đường ống PVC D140 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT11).

+ Nước thải đen (*xí tiêu*): Nước thải tại các căn hộ được thu gom bằng đường ống PVC D110 vào các trục đứng đường ống PVC D110 từ tầng 11 xuống tầng 1 với chiều dài mỗi trục là 35,75m (*gồm 14 trục*), sau đó theo đường ống PVC D200 về bể tự hoại nhà A1+B2 dung tích 124m³ (*bể tự hoại số 01*). Nước thải sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại theo đường ống PVC D200 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT11).

+ Nước xịt rửa phòng rác tại các tầng được thu gom bằng đường ống PVC D60 vào trục đứng đường ống PVC D90 từ tầng 11 xuống tầng 1 với chiều dài là 35,75m (*gồm 1 trục*). Nước thải sau đó theo đường ống PVC D160 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT11).

Toàn bộ nước thải sau khi được thu gom về hố ga nước thải hạ tầng (NT11) theo đường ống PVC D200 dài 40,6m về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 2:

+ Nước thải xám (*nước thải bếp*): Nước thải tại các căn hộ được thu gom bằng đường ống PVC D60 vào các trục đứng đường ống PVC D90 từ tầng 11 xuống tầng 2 với chiều dài mỗi trục là 32,05m (*gồm 9 trục*), sau đó theo đường ống PVC D140 về bể tách mỡ nhà A2+B1 dung tích 20m³ (*bể tách mỡ số 2*). Nước thải sau xử lý sơ bộ tại bể tách mỡ theo đường ống PVC D160 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT05).

+ Nước thải xám (*nước thoát sàn, rửa tay*): Nước thải tại các căn hộ được thu gom bằng đường ống PVC D60 vào các trục đứng đường ống PVC D90 từ tầng 11 xuống tầng 1 với chiều dài mỗi trục là 35,75m (*gồm 13 trục*). Nước thải sau đó theo đường ống PVC D140 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT05).

+ Nước thải đen (*xí tiêu*): Nước thải tại các căn hộ được thu gom bằng đường ống PVC D110 vào các trục đứng đường ống PVC D110 từ tầng 11 xuống tầng 2 với chiều dài mỗi trục là 32,05m (*gồm 12 trục*), sau đó theo đường ống PVC D160 về bể tự hoại nhà A2+B1 dung tích 116m³ (*bể tự hoại số 02*); nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D200 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT05). Nước thải tại tầng 1 từ căn TMDV1 đến TMDV5 được thu gom bằng đường ống PVC D110 về bể tự hoại dung tích 3m³ (*bể tự hoại số 03*), nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D110 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT05); nước thải tại căn TMDV6 được thu gom bằng đường ống PVC D110 về bể tự hoại dung tích 5,5m³ (*bể tự hoại số 04*), nước thải sau xử lý nước thải theo đường ống PVC D110 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT05).

+ Nước xịt rửa phòng rác tại các tầng được thu gom bằng đường ống PVC D60 vào trực đứng đường ống PVC D90 từ tầng 11 xuống tầng 1 với chiều dài là 35,75m (gồm 1 trục). Nước thải sau đó theo đường ống PVC D140 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT05).

Toàn bộ nước thải sau khi được thu gom về hố ga nước thải hạ tầng (NT05) theo đường ống PVC D200 dài 103,5m về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 3:

+ Nước thải xám (nước thải bếp): Nước thải tại các căn hộ được thu gom bằng đường ống PVC D60 vào các trực đứng đường ống PVC D90 từ tầng 11 xuống tầng 2 với chiều dài mỗi trục là 31,85m (gồm 7 trục), sau đó theo đường ống PVC D160 về bể tách mỡ nhà A2+B1 dung tích 20m³ (bể tách mỡ số 2). Nước thải sau xử lý sơ bộ tại bể tách mỡ theo đường ống PVC D160 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT01).

+ Nước thải xám (nước thoát sàn, rửa tay): Nước thải tại các căn hộ được thu gom bằng đường ống PVC D60 vào các trực đứng đường ống PVC D90 từ tầng 11 xuống tầng 1 với chiều dài mỗi trục là 35,75m (gồm 10 trục). Nước thải sau đó theo đường ống PVC D140 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT01).

+ Nước thải đen (xí tiểu): Nước thải tại các căn hộ được thu gom bằng đường ống PVC D110 vào các trực đứng đường ống PVC D110 từ tầng 11 xuống tầng 1 với chiều dài mỗi trục là 35,75m (gồm 13 trục), sau đó theo đường ống PVC D160 về bể tự hoại tòa nhà A2+B1 dung tích 116m³ (bể tự hoại số 2). Nước thải sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại theo đường ống PVC D200 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT05).

+ Nước xịt rửa phòng rác tại các tầng được thu gom theo đường ống PVC D60 vào trực đứng đường ống PVC D90 từ tầng 11 xuống tầng 1 với chiều dài 35,75m (gồm 1 trục). Nước thải sau đó theo đường ống PVC D140 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT01).

Toàn bộ nước thải sau khi được thu gom về hố ga nước thải hạ tầng (NT01, NT05) theo đường ống PVC D200 dài 191,5m về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 4:

+ Nước thải xám (nước thải bếp): Nước thải tại các căn hộ được thu gom bằng đường ống PVC D60 vào các trực đứng đường ống PVC D90 từ tầng 11 xuống tầng 2 với chiều dài mỗi trục là 32,45m (gồm 9 trục), sau đó theo đường ống PVC D140 về bể tách mỡ nhà A1+B2 dung tích 22m³ (bể tách mỡ số 1). Nước thải sau xử lý sơ bộ tại bể tách mỡ theo đường ống PVC D160 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT11).

+ Nước thải xám (nước thoát sàn, rửa tay): Nước thải tại các căn hộ được thu gom bằng đường ống PVC D60 vào các trực đứng đường ống PVC D90 từ tầng 11 xuống tầng 1 với chiều dài mỗi trục là 35,75m (gồm 10 trục). Nước thải sau đó theo đường ống PVC D110 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT06).

+ Nước thải đen (*xí tiêu*): Nước thải tại các căn hộ được thu gom bằng đường ống PVC D110 vào các trục đứng đường ống PVC D110 từ tầng 11 xuống tầng 1 với chiều dài mỗi trục là 35,75m (*gồm 15 trục*), sau đó theo đường ống PVC D160 về bể tự hoại tòa nhà A1+B2 dung tích 124m³ (*bể tự hoại số 1*), nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D200 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT11). Nước thải tại tầng 1 căn TMDV1 được thu gom bằng đường ống PVC D110 về bể tự hoại dung tích 4m³ (*bể tự hoại số 5*), nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D110 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT06); nước thải từ căn TMDV2 đến TMDV4, sảnh và phòng làm việc được thu gom bằng đường ống D110 xử lý về bể tự hoại dung tích 3m³ (*bể tự hoại số 6*), nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D110 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT06).

+ Nước xịt rửa phòng rác tại các tầng được thu gom theo đường ống PVC D60 vào trục đứng đường ống PVC D90 từ tầng 11 xuống tầng 1 với chiều dài 35,75m (*gồm 1 trục*). Nước thải sau đó theo đường ống PVC D110 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT06).

Toàn bộ nước thải sau khi được thu gom về hố ga nước thải hạ tầng (NT06, NT11) theo đường ống PVC D200 dài 112,9m về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 5:

+ Nước thải xám (*nước thải bếp*): Nước thải từ căn hộ CH01 đến CH07 của các tầng được thu gom theo đường ống PVC D60 vào các trục đứng đường ống PVC D75 từ tầng 11 xuống tầng 2 với chiều dài mỗi trục là 31,85m (*gồm 3 trục*), sau đó theo đường ống PVC D140 về bể tách mỡ dung tích 4,5m³ (*bể tách mỡ số 3*), nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D110 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT09). Nước thải từ căn hộ CH08 đến CH15 của các tầng được thu gom theo các trục đứng đường ống PVC D60 vào đường ống PVC D75 từ tầng 11 xuống tầng 2 với chiều dài mỗi trục là 31,85m (*gồm 3 trục*), sau đó theo đường ống PVC D140 về bể tách mỡ dung tích 4,5m³ (*bể tách mỡ số 4 xây cùng với trạm xử lý nước thải tập trung*)

+ Nước thải xám (*thoát sàn, rửa tay*): Nước thải tại các căn hộ được thu gom bằng đường ống PVC D60 vào các trục đứng đường ống PVC D75 từ tầng 11 xuống tầng 1 với chiều dài mỗi trục là 35,75m (*gồm 6 trục*). Nước thải sau đó theo đường ống PVC D110 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT09).

+ Nước thải đen (*xí tiêu*): Nước thải từ căn hộ CH01 đến CH07 của các tầng được thu gom theo đường ống PVC D110 vào các trục đứng đường ống nhựa PVC D110 từ tầng 11 xuống tầng 2 với chiều dài mỗi trục là 31,85m (*gồm 3 trục*) rồi cùng với nước thải từ căn TMDV1 đến căn TMDV4 và sảnh tại tầng 1 vào đường ống PVC D160 về bể tự hoại dung tích 28m³ (*bể tự hoại số 7*), nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D160 chảy về hố ga nước thải hạ tầng (NT09). Nước thải từ căn hộ CH08 đến CH15 của các tầng được thu gom theo đường ống PVC D110 vào các trục đứng đường ống PVC D110 từ tầng 11 xuống tầng 2 với chiều dài mỗi trục là 31,85m (*gồm 5 trục*) rồi cùng với nước thải từ căn

TMDV5 đến TMDV9 tại tầng 1 vào đường ống PVC D160 về bể tự hoại dung tích 28m^3 (bể tự hoại số 8 xây cùng với trạm xử lý nước thải tập trung).

+ Nước xịt rửa phòng rác tại các tầng được thu gom theo đường ống PVC D60 vào các trục đứng đường ống PVC D90 từ tầng 11 xuống tầng 1 dài 35,75m (gồm 1 trục). Nước thải sau đó theo đường ống PVC D110 chảy về hồ ga nước thải hạ tầng (NT09).

Nước thải sau khi được thu gom về hồ ga nước thải hạ tầng (NT09) và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, bể tách mỡ theo đường ống PVC D200 dài 101,9m về trạm xử lý nước thải tập trung.

Toàn bộ nước thải từ nguồn số 1 đến nguồn số 5 sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất $420\text{ m}^3/\text{ngày}$ đem theo đường ống PVC D90 dài 12m chảy ra hồ ga nước thải hạ tầng (NT12), nước thải sau đó theo đường ống PVC D200 dài 10,5m đấu nối vào hồ ga thoát nước trên vỉa hè đường nối cầu Bách Lãm với cầu Tuần Quán, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

a) *Bể tự hoại*: 08 bể tự hoại 03 ngăn, gồm các bể như sau: 01 bể tòa nhà A1 + B2 dung tích 124m^3 ; 02 bể tòa nhà B2 (trong đó 01 bể dung tích 4m^3 , 01 bể dung tích 3m^3); 02 bể tòa nhà B3 dung tích $28\text{m}^3/\text{bể}$; 01 bể tòa nhà A2 + B1 dung tích 116m^3 ; 02 bể tòa nhà A2 (trong đó 01 bể dung tích 3m^3 , 01 bể dung tích $5,5\text{m}^3$).

Quy trình xử lý: Nước thải đầu vào → Ngăn chứa 1 (điều hoà, lắng, phân huỷ sinh học) → Ngăn 2 (lắng, phân huỷ sinh học) → Ngăn 3 (lắng, chứa) → Hồ ga nước thải hạ tầng → Trạm xử lý nước thải tập trung.

b) *Bể tách mỡ*: 04 bể tách mỡ 02 ngăn, gồm các bể như sau: 01 bể tòa nhà A1 + B2 dung tích 22m^3 ; 02 bể tòa nhà B3 dung tích $4,5\text{m}^3/\text{bể}$; 01 bể tòa nhà A2 + B1 dung tích 20m^3 .

Quy trình xử lý: Nước thải béo → Ngăn 1 (chứa) → Ngăn 2 (lắng) → Hồ ga nước thải hạ tầng → Trạm xử lý nước thải tập trung.

c) *Trạm xử lý nước thải tập trung*: Công suất $420\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm

- Quy trình xử lý: Nước thải đầu vào → Ngăn bơm → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hồ ga nước thải hạ tầng → Hồ ga thoát nước trên vỉa hè đường nối cầu Bách Lãm với cầu Tuần Quán, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai

- Hóa chất sử dụng: NaOCl 31,73 lít/ngày; NaOH 0,25 lít/ngày; NaHCO_3 0,05 lít/ m^3 nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng sau khi hoàn thành các công trình xử lý chất thải, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải

của dự án gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

2.2. Công trình, thiết bị xử nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 420 m³/ngày đêm.

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu:* Nước thải đầu vào và nước thải đầu ra.

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ đầu tư phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. *Tần suất lấy mẫu:* Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và môi trường. Việc quan trắc chất thải do Chủ đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường tiếp nhận.

3.2. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3.3. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải, có sổ nhật ký vận hành theo dõi quá trình vận hành trạm xử lý nước thải tập trung với đầy đủ các thông tin cần theo dõi, giám sát như: người vận hành, thời gian, lưu lượng nước thải, thông số quan trắc, hóa chất sử dụng, thời gian xảy ra sự cố, nguyên nhân, thời gian khắc phục (*thời gian bắt đầu, kết thúc*),...

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của dự án.

3.6. Công ty Cổ phần đầu tư Hacom Lào Cai chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả nước thải và thực hiện các biện pháp

khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

PHỤ LỤC 2:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải và máy móc, thiết bị thi công.

1.2. Giai đoạn hoạt động

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

- Nguồn số 02: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày	Giới hạn tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh (dBA)	Khu vực	Ghi chú
1	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	55	Khu vực B	QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
2	Tối (18h00 đến trước 22h00)	50		
3	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	45		

2.2 Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày	Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung, dB	Khu vực	Ghi chú
1	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	65	Khu vực B	QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung
2	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tính toán, lựa chọn các thiết bị thi công có mức ồn thấp, chọn vị trí đặt thiết bị gây ồn phù hợp sao cho giá trị mức ồn không cộng hưởng.
- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy đến mức thấp nhất.
- Bảo trì máy móc thiết bị và phương tiện định kỳ 3 tháng/lần trong thời gian thi công.
- Công nhân thi công tại công trường sẽ được trang bị loại bảo hộ lao động.
- Lựa chọn nhà thầu có uy tín có chuyên môn cao thi công từng hạng mục, sử dụng phương pháp và thiết bị xây dựng hiện đại;
- Thiết bị thi công được bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên;
- Khắc phục tiếng ồn và rung động với kế hoạch thi công hợp lý, các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn.
- Tất cả các phương tiện và máy móc phải được đăng ký chất lượng trước khi đưa vào sử dụng.
- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế hoạt động đồng thời các máy móc, thiết bị xây dựng.

1.2. Giai đoạn hoạt động

- Lập nội quy ra/vào khu vực, hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn.
- Bố trí các biển cảnh báo, hướng dẫn để người ra, vào khu vực dự án hạn chế bóp còi xe cơ giới từ 22h đêm ngày hôm trước đến 6h sáng ngày hôm sau.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.
- Có kế hoạch kiểm soát và bảo dưỡng máy móc định kỳ để đảm bảo năng lực tốt trong suốt quá trình vận hành.

2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án.
- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ tra mỡ bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.
- Thường xuyên theo dõi các tác động ảnh hưởng do tiếng ồn, độ rung đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh khu vực.
- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung do tác động của dự án gây ra.

PHỤ LỤC 3:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Trong quá trình thi công xây dựng

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải nguy hại (CTNH)	Mã CTNH	Khối lượng dự tính (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ, vải dính dầu mỡ, gói thấm dầu	18 02 01	45
2	Bóng đèn huỳnh quang cháy	16 01 06	10
3	Đầu mẫu que hàn có chứa thành phần nguy hại	07 04 01	20
Tổng			75

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh
1	Đất, cát, gạch vỡ, vữa xi măng thừa	314,4 tấn
2	Đất đá thừa	36.362 m ³

1.2. Trong giai đoạn vận hành dự án

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải nguy hại (CTNH)	Mã CTNH	Khối lượng dự tính (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	15
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	5
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các thiết bị linh kiện điện	16 01 13	8
4	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	3
5	Dầu nhớt thải từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng	15 01 07	18
Tổng			49

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh
1	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	1.724 kg/ngày
2	Bùn thải từ các bể tự hoại	66.076,5 kg/năm
3	Bùn thải từ trạm xử lý	6.507,95 kg/năm
4	Dầu mỡ thải từ bể tách dầu mỡ	2.190 kg/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng chứa dung tích 120 lít dạng nhựa chuyên dùng để lưu chứa chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 4m².

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định.

b) Đối với chất thải rắn xây dựng và đất đá thải từ quá trình thi công

- Bố trí xe tải vận chuyển chất thải rắn xây dựng, nguyên vật liệu từ quá trình thi công xây dựng, xe vận chuyển được phủ bạt che chắn đảm bảo không gây phát tán bụi, rơi vãi chất thải ra đường.

- Đối với đất đá thừa: Thực hiện công tác quản lý chất thải rắn theo đúng quy định, đất đá thừa yêu cầu phải đổ đúng địa điểm đã được thông báo giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền; đồng thời thực hiện các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 03 thùng chứa dung tích từ 240 lít/thùng;

- Khu vực lưu chứa: Bố trí tại khu vệ sinh (1 thùng), khu lán trại (2 thùng).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh đảm bảo theo quy định.

2.2. Trong giai đoạn vận hành

b) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy dung tích 20 - 200 lít dạng nhựa chuyên dùng, chống ăn mòn, có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: Tại mỗi tòa nhà bố trí 01 khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 9m² đặt tại tầng hầm.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định.

- Chỉ được lưu giữ chất thải nguy hại không quá 01 năm, kể từ thời điểm phát sinh. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại dự án phát sinh gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) *Thiết bị lưu chứa:* Tại các khu vực công cộng, dịch vụ thương mại bố trí các thùng chứa dung tích 60 lít/thùng có dán nhãn, phân loại chất thải. Tại phòng chứa rác mỗi tầng bố trí 03 thùng rác loại dung tích 120 lít có nhãn dán phân loại chất thải; tại phòng rác tầng hầm mỗi tòa nhà bố trí 04 xe gom rác đẩy tay loại 500 lít di động để vận chuyển rác đi xử lý.

b) *Khu vực lưu chứa:*

- Tại mỗi tòa nhà bố trí 01 phòng chứa rác diện tích 84m² đặt tại tầng hầm.
 - Tại các tầng của tòa nhà A1 và tòa nhà A2 mỗi tầng bố trí 01 phòng chứa rác diện tích 4,2m². Tại các tầng của tòa nhà B1, tòa nhà B2 và tòa nhà B3 mỗi tầng bố trí 01 phòng chứa rác diện tích 3,8m².

- Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt: Đặt tại vị trí khu vực mặt đường cầu Bách Lãm đi cầu Tuần Quán.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh đảm bảo theo quy định (tần suất 2 lần/ngày).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, sự cố hệ thống lưu giữ chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 4:**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án.

2. Trong quá trình thi công xây dựng

2.1. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường bụi, khí thải

- Sử dụng thiết bị, máy móc thi công được đăng kiểm theo đúng quy định hiện hành của nhà nước, còn niên hạn sử dụng; đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và quy định về yêu cầu trong vận chuyển

- Quá trình đào đắp: Thực hiện theo phương án đào đến đâu được tập kết và đổ san gạt trong ngày.

- Dùng tôn có chiều cao tối thiểu 2m làm hàng rào che chắn bao xung quanh dự án.

- Cuối ngày cử cán bộ vệ sinh tuyến đường vận chuyển (đường cầu Bách Lâm đi cầu Tuấn Quán, đường Văn Phú), đất đá thừa rơi vãi trên đường được xúc lên xe đưa về bãi đổ thải của dự án.

- Phun nước tưới ẩm quãng đường vận chuyển (nguyên vật liệu, đồ thải) của dự án tại những khu vực có đông dân cư vào những ngày nắng nóng, hanh khô. Tần suất tưới nước: tưới nước 03 lần/ngày trên tuyến đường vận chuyển đất thải, nguyên vật liệu và 04 lần/ngày đối với những ngày hanh khô.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình thi công xây dựng, đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn hoạt động tốt để giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát sinh.

- Xe vận chuyển nguyên vật liệu, đồ thải không chở quá tải, nắp được đóng kín và che bạt trên đỉnh tránh rơi vãi vật liệu làm phát tán bụi ra môi trường.

- Xịt rửa lớp xe ra vào dự án (bố trí 01 cầu rửa xe tại khu phụ trợ phía Bắc dự án) hạn chế kéo đất đá dính theo lớp xe ra đường.

2.2. Các yêu cầu về giải pháp giảm thiểu chất thải rắn

Thực hiện đúng các quy định về quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

2.3. Nước mưa chảy tràn bề mặt và nước thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng.

- Quản lý, thu gom xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom và vận chuyển nước thải sinh hoạt đưa đi xử lý theo quy định.

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa xe, nước thải thi công xây dựng khác được thu gom và xử lý sau đó được tái sử dụng để rửa các phương tiện phục vụ thi công hoặc phun nước giảm bụi.

- Bố trí hệ thống thu gom thoát nước mưa, hố ga và nạo vét vệ sinh thường xuyên đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

3. Trong quá trình dự án đi vào hoạt động

3.1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

Khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026. Định kỳ (01 năm) chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa thay thế bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường;

thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương.

3.2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

3.3. Nghiêm túc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình đã được phê duyệt, đảm bảo không để xảy ra sự cố môi trường, kiến nghị của người dân khu vực xung quanh dự án.

3.4. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3.5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.